TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 91/2024/DS- ST
Ngày: 23 - 9 -2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Thúy Thành
Các Hội thẩm nhân dân: bà Hồ Thị Hồng Liên
ông Phạm Đức Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Trương Quang Vũ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên toà***: ông Nguyễn Thanh Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 84/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, Q định hoãn phiên tòa số 106/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Q định hoãn phiên tòa số 129/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Vũ Văn Q**, sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn 01, xã Lộc Bảo, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà **Trương Thị N**, sinh năm 1965. Địa chỉ: tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: ông **Phạm Thanh T**, sinh năm 1980 và bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn 01, xã Lộc Bảo, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Bùi Công T**, sinh năm 2000
Địa chỉ: thôn 08, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

(ông Q, bà N có mặt, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-4-2024 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 27/6/2024 cùng những lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thể hiện:

Ông Q và vợ chồng bà H, ông T có cho vay mượn tiền nhau nhiều lần, ngày 26/6/2022 ông Q cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 120.000.000 đồng, ngày

7/7/2022 ông Q cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 31/5/2023 ông Q cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 250.000.000 đồng, vợ chồng ông T, bà H có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 05/01/2024 ông Q cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 259.200.000 đồng, tất cả các ngày vay hai bên đều có viết giấy nợ với nhau, chữ viết trên giấy là của bà H, chữ ký trên giấy vay nợ là của vợ chồng H, T tự viết và ký.

Khoản vay ngày 31/5/2023 ông Q cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 250.000.000 đồng, vợ chồng ông T, bà H có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khoản này vợ chồng ông T, bà H đã trả nợ xong cho ông Q và ông Q đã trả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà H.

Còn 03 khoản vay ngày 26/6/2022, ngày 7/7/2022 và ngày 05/01/2024 vợ chồng ông T, bà H đã trả cho ông Q nhiều lần nhưng không cụ thể cho khoản vay nào nên hiện nay ông T, bà H chỉ còn nợ lại ông Q số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Ngày 15/5/2024 ông Q trừ cho vợ chồng ông T, bà H số tiền ông Q nợ huê là 32.625.000 đồng nên hiện nay ông T, bà H còn nợ ông Q số tiền là 267.375.000 đồng.

Do đó ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà H phải hoàn trả cho ông Q số tiền nợ gốc là 267.375.000 đồng và lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 05/01/2024 đến ngày 16/7/2024 làm tròn 06 tháng. Cụ thể 267.375.000 đồng x 0,83% x 06 tháng = 13.315.275 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 280.690.275 đồng.

Ý kiến của bị đơn trình bày: ngày 26/6/2022 ông Q cho ông T vay số tiền 120.000.000đồng, ngày 7/7/2022 ông Q cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 31/5/2023 ông Q cho ông T vay số tiền 250.000.000 đồng, vợ chồng ông T có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

Khoản vay ngày 31/5/2023 ông Q cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 250.000.000 đồng, vợ chồng ông T, bà H có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khoản này vợ chồng ông T, bà H đã trả nợ xong cho ông Q và ông Q đã trả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà H.

Còn khoản vay ngày 26/6/2022 và ngày 7/7/2022 ông T đã trả cho ông Q được 70.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản ngày 4/4/2023 chuyển 50.000.000 đồng và ngày 20/01/2023 là 20.000.000 đồng.

Khoản tiền 259.200.000 đồng ngày 05/01/2024 là do hai khoản vay ngày 26/6/2022 và ngày 7/7/2022 ông Q đã gộp lại, bà H không biết trước đó ông T đã trả được cho ông Q số tiền 70.000.000 đồng nên đã ký giấy vay này.

Do đó ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà H phải hoàn trả cho ông Q số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật thì ông T, bà H chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại là 189.200.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hòa giải không được.

Ngày 23/9/2024 Tòa án nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày giữ nguyên ý kiến trình bày của bị đơn như trong quá trình Tòa án giải Q vụ án.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn Q số tiền vay nợ gốc là 267.375.000 đồng và lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 05/01/2024 đến ngày 23/9/2024 làm tròn 08 tháng 15 ngày. Cụ thể 267.375.000 đồng x 0,83% x 08 tháng 15 ngày = 18.863.306 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 286.238.306 đồng.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải Q vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải Q vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Q về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* với ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị H.

Buộc ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm trả cho số ông Vũ Văn Q số tiền vay nợ gốc là 267.375.000 đồng và lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 05/01/2024 đến ngày 23/9/2024 làm tròn 08 tháng 15 ngày. Cụ thể 267.375.000 đồng x 0,83% x 08 tháng 15 ngày = 18.863.306 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 286.238.306 đồng.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T, bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: bà N, ông Q có mặt, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải Q vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: ông Vũ Văn Q khởi kiện yêu cầu bà H, ông T phải trả cho ông Q số tiền vay là 267.375.000 đồng. Do vậy, xác định quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải Q theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải Q vụ án ông Q yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông T phải trả cho ông Q số tiền vay là 267.375.000 đồng và lãi suất.

Lời trình bày trên của ông Q là có căn cứ và đúng pháp luật vì ông Q xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và đúng pháp luật đó là giấy cho vay tiền đề ngày 26/6/2022, ngày 7/7/2022 và ngày 05/01/2024, vợ chồng ông T, bà H cũng thừa nhận ngày 26/6/2022 có vay ông Q số tiền 120.000.000 đồng, ngày 7/7/2022 có vay ông Q số tiền 100.000.000 đồng, tuy

nhiên ông T đã trả cho ông Q được số tiền 70.000.000 đồng, khoản tiền 259.200.000 đồng ngày 05/01/2024 là do hai khoản vay ngày 26/6/2022 và ngày 7/7/2022 ông Q đã gộp lại, bà H không biết trước đó ông T đã trả được cho ông Q số tiền 70.000.000 đồng nên đã ký giấy vay này, ông T, bà H trình bày là không có cơ sở, ông T, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng, ông Q cũng không thừa nhận việc này.

Do vậy áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, cần buộc ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn Q số tiền vay nợ gốc là 267.375.000 đồng.

[4] Về lãi suất áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cần buộc ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị H phải chịu lãi xuất như sau: Số tiền vay 267.375.000 đồng x 0,83% x 08 tháng 15 ngày làm tròn = 18.863.306 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 05/01/2024 đến ngày 23/9/2024).

[5] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Q số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị H phải trả cho ông Q số tiền vay gốc là 267.375.000 đồng và tiền lãi là 18.863.306 đồng nên ông T, bà H phải nộp 14.311.915 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ **Xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Q về việc *"Tranhchấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* với ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị H.

Buộc ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn Q số tiền 286.238.306 (hai trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi tám ngàn ba trăm lẻ sáu) đồng, trong đó tiền vay là 267.375.000 đồng và tiền lãi là 18.863.306 đồng.

Kể từ ngày Q định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Q định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/**Về án phí**: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Q số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị H phải nộp 14.311.915 đồng đồng án phí DSST.

Ông Vũ Văn Q được nhận lại số tiền 8.372.400 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006949 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm

"Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Thúy Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tài- Phạm Đức Minh **Vũ Thị Thúy Thành**